

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 05 – 3 – 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Liêm

Ông Nguyễn Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Số I N, phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 22/4/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Sơn Quốc H, sinh năm: 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Ngô Thị Thúy L1, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn B, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2020 đến nay, công ty trách nhiệm hữu hạn A và ông Sơn Quốc H, bà Ngô Thị Thúy L1 có hợp tác thực hiện chương trình “Cánh đồng mơ ước”. Nội dung hợp tác được thể hiện trong hợp đồng số 01/2020/CĐMU và 853/2021/CĐMU (đính kèm).

Theo hợp đồng thì công ty A đầu tư cho ông Sơn Quốc H, bà Ngô Thị Thúy L1 một lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để hỗ trợ sản xuất. Theo đó, công ty có trách nhiệm giao vật tư đến kho cho ông H, bà L1 và ông H, bà L1 có trách nhiệm nhận hàng và thanh toán cho công ty khi đến hạn ghi trên hóa đơn. Nếu thanh toán trước hạn thì được hưởng lãi suất 1,1%/tháng, nếu thanh toán trễ hạn thì chịu lãi suất 1,1%/tháng. Nếu quá hạn 06 tháng mà không thanh toán thì công ty có quyền khởi kiện để thu hồi nợ.

Tháng 9/2021 tiến hành đối chiếu công nợ, khi đó ông Sơn Quốc H, bà Ngô Thị Thúy L1 xác nhận còn nợ công ty số tiền 98.104.650 đồng. Ông H, bà L1 cam kết trả nợ vào vụ sau nhưng mới chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng và ngưng cho đến nay. Công ty đã nhiều lần cử nhân viên liên lạc ông H, bà L1 để yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông H, bà L1 luôn trốn tránh.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L1 trả số tiền còn nợ là 88.104.650 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/10/2021 đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất khấu trừ số tiền ông B đã nhận và chỉ yêu cầu ông H, bà L1 trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn Sơn Quốc H trình bày:

Bị đơn **Sơn Quốc H** thừa nhận có ký kết hợp đồng với **công ty trách nhiệm hữu hạn A** còn nợ số tiền như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, bị đơn **Sơn Quốc H** yêu cầu trừ căn lại số tiền đã trả trước đó, tiền hoa hồng, tiền thuốc đã hoàn trả cho công ty, cũng như số thuốc còn lại ông **H** đang giữ. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của **công ty trách nhiệm hữu hạn A** thống nhất khấu trừ số tiền ông **B** đã nhận và chỉ yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì ông **H** đồng ý.

Bị đơn **Ngô Thị Thúy L1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn B** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **B**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **công ty trách nhiệm hữu hạn A, Ngô Thị Thúy L1**.

Buộc bị đơn **Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1** trả cho nguyên đơn **công ty trách nhiệm hữu hạn A** số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng hợp tác đã ký kết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn **Ngô Thị Thúy L1** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn B** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn **Ngô Thị Thúy L1**; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Văn B** nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án hợp đồng hợp tác giữa công ty với bị đơn **Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1** và 01 sổ chi tiết đơn vị mua có chữ ký xác nhận của khách hàng là ông **Sơn Quốc H**. Theo sổ chi tiết đơn vị mua thể hiện tính đến ngày 30/9/2021 thì bị đơn **Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1** còn nợ số tiền 98.104.650 đồng, sau đó có trả được 10.000.000 đồng thì ngưng nên việc **công ty trách nhiệm hữu hạn A** khởi kiện yêu cầu bị đơn **Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1** trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của **công ty trách nhiệm hữu hạn A** và bị đơn **Sơn Quốc H** cùng thống nhất số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Bị đơn **Ngô Thị Thúy L1** không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc đại diện theo ủy quyền của **công ty trách nhiệm hữu hạn A** chỉ yêu cầu bị đơn **Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1** trả số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp theo quy định pháp luật và đã có lợi cho bị đơn **Ngô Thị Thúy L1** nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 504; Điều 505; Điều 507 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn A, Ngô Thị Thúy L1.

Buộc bị đơn Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1 trả cho nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Sơn Quốc H, Ngô Thị Thúy L1 phải nộp số tiền 2.500.000 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn A được nhận lại số tiền 2.615.000 đồng đã nộp theo lai thu số 0006954 lập ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lữ Thành Đồng

